

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022
và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành nội vụ và Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) năm 2022 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về tổ chức, chỉ đạo, điều hành CCHC

Thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các Chỉ số cải cách hành chính, Hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, trong năm 2022, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết liệt chỉ đạo và chủ động triển khai đầy đủ các kế hoạch, văn bản¹ để thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh; trong đó, xác định cụ thể từng nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành

1 - Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát động và triển khai phong trào thi đua "Đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025"; Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 900/UBND-TTHC ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2022 của tỉnh và chế độ thông tin, báo cáo; Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025 của tỉnh; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; triển khai thực hiện biên dịch và công khai các TTHC có liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài sang tiếng nước ngoài (04 thứ tiếng: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật) của 09 sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh (Công văn số: 3342/UBND-TTHC ngày 08/7/2022, 6223/UBND-TTHC ngày 07/12/2022); triển khai nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg và hướng dẫn của Bộ Tư pháp (Công văn số 2913/UBND-TTHC ngày 16/6/2022); triển khai thực hiện số hóa và nâng cấp Công dịch vụ công - Hệ thống thông tin điện tử một cửa tỉnh Quảng Ngãi phiên bản mới (Công văn số: 1549/UBND-TTHC ngày 06/4/2022, 2795/UBND-TTHC ngày 10/6/2022); thực hiện rà soát văn bản QPPL theo Quyết định số 06/QĐ-TTg (Công văn số 3145/UBND-TTHC ngày 28/6/2022).

để yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Đồng thời, tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tháng, quý để đánh giá thường xuyên, kịp thời, toàn diện kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực của ngành, địa phương mình để làm cơ sở triển khai và tổ chức thực hiện.

2. Về kiểm tra công tác CCHC

a) Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch² và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác CCHC.

b) Theo đó, năm 2022 đã tiến hành kiểm tra 11/33 sở, ban ngành, địa phương, cụ thể: 06 sở, ban ngành (Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Sở Y tế, Ban Dân tộc, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi); 05 UBND huyện và một số đơn vị hành chính cấp xã thuộc 05 UBND huyện: Ba Tơ, Sơn Tịnh, Sơn Hà, Tư Nghĩa và Lý Sơn. Đến nay, đã hoàn thành việc kiểm tra, đạt tỷ lệ 33,33%³ trên tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra đã tổ chức khắc phục hoàn thành 100% các vấn đề, nội dung còn tồn tại, hạn chế, thiếu sót được chỉ ra qua kiểm tra.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Để nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, tạo sự đồng thuận, góp phần nâng cao hiệu quả CCHC, UBND tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch, văn bản tuyên truyền CCHC trong năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025⁴. Trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền CCHC với nhiều nội dung và hình thức phong phú, cụ thể:

a) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Ban hành nhiều văn bản định hướng thông tin tuyên truyền trong từng tháng, trong đó, lồng ghép hướng dẫn tuyên truyền công tác CCHC đối với các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, phối hợp tổ chức các cuộc họp giao ban báo chí, lồng ghép nội dung nhận xét, đánh giá tình hình và định hướng tuyên truyền thực hiện công tác CCHC đối với các cơ

² Quyết định số 65/QĐ-SNV ngày 14/02/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, công tác thanh niên năm 2022.

³ Kiểm tra 11/33 sở, ban ngành, địa phương = 33,33% (gồm 20 sở, ban ngành tỉnh và 13 huyện, thị xã, thành phố).

⁴ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh về truyền thông chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025.

quan báo chí, truyền thông và phóng viên Trung ương, ngành thường trú trên địa bàn tỉnh.

- Đặt hàng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh sản xuất 03 video clip tuyên truyền CCHC, phát trên sóng truyền hình của PTQ; phối hợp với các đơn vị quảng cáo tổ chức phát sóng video clip CCHC tại 06 bảng điện tử: Cảng Sa Kỳ, đường Phạm Văn Đồng (02 điểm), đường Hùng Vương, Phan Bội Châu và Lê Lợi.

- Thực hiện Bản tin “Cải cách hành chính” xuất bản trên nền tảng số với số lượng 14 kỳ (03 tin, 03 bài viết, 01 nội dung đồ họa trực quan/kỳ).

- Cung cấp tin, bài trên 02 Trang zalo Sở Thông tin và Truyền thông và Chuyển đổi số: 331 tin, bài, video mới; thu hút lượng người xem lớn, tính đến nay có 1.947.400 lượt xem bài viết; đặc biệt Trang zalo Chuyển đổi số mới thành lập vào tháng 3/2022 nhưng đã cập nhật hơn 60 tin bài, video mới; thu hút 2.334 lượt xem.

- Tổ chức Hội thi tuyên truyền CCHC năm 2022 bằng hình thức sân khấu hóa tại Nhà Văn hoá Lao động tỉnh với sự tham gia của 13 đội thi đến từ 13 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; đây là năm đầu tiên tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội thi tuyên truyền CCHC bằng hình thức sân khấu hóa.

b) Sở Tư pháp đã tham mưu cho Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh tổ chức Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật về cải cách thủ tục hành chính*” trên địa bàn tỉnh, kết thúc cuộc thi đã thu hút 11.799 lượt người tham gia.

c) Sở Nội vụ phối hợp với Tỉnh đoàn Quảng Ngãi tổ chức cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu nội dung, nhiệm vụ CCHC*” trong cán bộ, đoàn viên thanh niên, kết thúc cuộc thi đã thu hút 6.674 lượt cán bộ, đoàn viên thanh niên tham gia.

Năm 2022 là năm đầu tiên tỉnh Quảng Ngãi tổ chức nhiều cuộc thi nhằm tuyên truyền CCHC, đặc biệt là Hội thi tuyên truyền CCHC bằng hình thức sân khấu hóa do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức; qua các cuộc thi đã góp phần nâng cao nhận thức về CCHC trong cộng đồng và xã hội, tạo không khí thi đua sôi nổi trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thu hút sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

- Công tác xây dựng, thẩm định văn bản QPPL luôn được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng; các văn bản QPPL do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện thẩm định đúng tiến độ và kịp thời 106 lượt dự thảo văn bản QPPL (43 nghị quyết, 63 quyết định) và 07 đề nghị xây dựng nghị quyết; qua đó, từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành 82 văn bản QPPL (27 nghị quyết, 55 quyết định).

- Thực hiện văn bản của các Bộ, ngành trung ương thông báo các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết các luật được Quốc hội thông qua. UBND tỉnh đã chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban ngành về việc xây dựng văn bản của UBND tỉnh được giao quy định chi tiết các luật. Kết quả, UBND tỉnh đã ban hành 03 văn bản QPPL được các luật giao⁵.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

- Thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 25/01/2022 theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Để thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật, UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 06/7/2022*); Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 19/7/2022*). Chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn những nội dung cơ bản của các văn bản luật mới ban hành, hoàn thành kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại UBND các huyện: Sơn Tây, Trà Bồng, Minh Long và Mộ Đức; tập trung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022, cụ thể: Triển khai xây dựng Phương án điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã trong bối cảnh dịch COVID-19, lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 18/01/2022 triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022.

- Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh đã tổ chức 03 hội nghị cấp tỉnh triển khai các văn bản Luật cho hơn 400 lượt đại biểu là lãnh đạo các sở, ban ngành, hội, đoàn thể, báo cáo viên pháp luật, cán bộ pháp chế sở, ban ngành và địa phương; tổ chức Hội nghị “*Hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2022 và tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*”. Tổ chức 14 lớp/đợt/hội nghị tập huấn, tuyên truyền pháp luật tại các địa phương với nội dung pháp luật về biển, đảo; pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm

⁵ Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thực hiện Luật Thủy lợi năm 2017*); Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 ban hành Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 ban hành Quy định lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*).

pháp luật; pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; giải quyết tranh chấp dân sự, đất đai, khiếu nại, tố cáo; tổ chức thành công Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật về cải cách thủ tục hành chính*” trên địa bàn tỉnh, kết thúc cuộc thi đã thu hút 11.799 lượt người tham gia; tổ chức 06 lớp tập huấn, tuyên truyền pháp luật tại các huyện, xã (tại huyện Minh Long theo Đề án “*Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn*”; tại huyện Mộ Đức về trật tự an toàn giao thông tại 05 xã/thị trấn) và phát hành Bản tin Tư pháp số tháng 8/2022, với chủ đề Chào mừng Quốc khánh 02/9 và Ngày truyền thống ngành Tư pháp 28/8.

- Hoàn thành kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại 02 cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại UBND huyện: Sơn Hà và Ba Tơ.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL:

- Về kiểm tra văn bản QPPL:

+ Thực hiện tự kiểm tra 55 văn bản QPPL của UBND tỉnh và một số văn bản cá biệt của Chủ tịch UBND tỉnh (*đạt tỷ lệ 100%*); kết quả kiểm tra đã kiến nghị bãi bỏ đối với Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các cấp, các ngành trong trường hợp xảy ra cháy, nổ, sự cố tai nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi⁶.

+ Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 90 văn bản QPPL do HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi đến sau khi ban hành và thành lập 05 Đoàn kiểm tra công tác ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND các huyện: Lý Sơn (*từ năm 2018 - 2020*); Sơn Tây, Trà Bồng, Minh Long và Mộ Đức từ năm 2019 - 2021. Qua kiểm tra 155 văn bản QPPL (*74 nghị quyết, 81 quyết định*) đã phát hiện 33 văn bản (*10 văn bản QPPL, 23 văn bản cá biệt*) có sai sót về nội dung, thẩm quyền và 01 văn bản QPPL sai khác. Đã thực hiện kiến nghị bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần đối với 14 văn bản (*01 văn bản QPPL, 13 văn bản cá biệt*); sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới đối với 19 văn bản (*09 văn bản QPPL, 10 văn bản cá biệt*) và đính chính 01 văn bản QPPL. Đến nay, các huyện Lý Sơn, Sơn Tây, Trà Bồng và Minh Long đã xử lý xong các văn bản, đạt tỷ lệ 100%.

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:

+ Việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được quan tâm triển khai thực hiện. Qua rà soát, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần, ngưng hiệu lực trong năm 2021, cụ thể: Thực hiện công bố 113 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2021 (*42 nghị quyết, 68 quyết định và 03 chỉ thị*); 18 văn bản

⁶ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản bãi bỏ tại Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 11/5/2022.

QPPL hết hiệu lực một phần trong năm 2021 (02 nghị quyết và 16 quyết định) và 01 quyết định ngưng hiệu lực một phần.

+ Để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL ở địa phương, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Triển khai thực hiện Công văn số 2293/BTP-KrVB ngày 04/7/2022 của Bộ Tư pháp về việc chuẩn bị điều kiện thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019 - 2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp và các sở, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện tại Công văn số 3509/UBND-NC ngày 18/7/2022.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 28/01/2022*), yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch rà soát cụ thể phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương gắn với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC, trong đó gắn với chỉ tiêu phấn đấu rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương.

- Qua rà soát, tổng số TTHC kiến nghị phương án đơn giản hóa của tỉnh là 07 TTHC (biểu mẫu rà soát và tính toán chi tiết tại phụ lục kèm theo), với lợi ích tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC: 138.770.382 đồng/năm và tỷ lệ cắt giảm chi phí 12,26% (Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 16/12/2022); đồng thời đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định của Trung ương của 08 TTHC trong lĩnh vực lưu trú, dịch vụ du lịch, việc làm, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở: Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 48 quyết định công bố 80 TTHC mới ban hành, 112 TTHC sửa đổi, bổ sung, 58 TTHC thay thế, 16 TTHC bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 về việc phê duyệt Quy trình thực hiện thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 về việc phê duyệt Quy trình thực hiện thủ tục hành chính cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi.

c) Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp:

- Cấp tỉnh (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh):

+ Việc hợp nhất Phòng Kiểm soát TTHC và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thành Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh (Trung tâm) là chủ trương phù hợp nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, phục vụ tốt nhất nhu cầu giải quyết TTHC của tổ chức, công dân. Trong năm 2022, hoạt động của Trung tâm giữ được sự ổn định, chuyên nghiệp, được tổ chức, công dân đánh giá hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao (99,9%).

+ Từ ngày 01/4/2022, tại Trung tâm đã thực hiện chuyển giao cho Bưu điện tỉnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC thay cho 07 Sở: Nội vụ, Ngoại vụ, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thể thao và Du lịch do có số lượng hồ sơ phát sinh thấp⁷.

- Cấp huyện, cấp xã: Tại 13 đơn vị cấp huyện và 173 đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh hiện nay đã thành lập Bộ phận một cửa và cơ bản được trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, như: Bàn, ghế phục vụ công dân viết hồ sơ, camera, thiết bị đánh giá mức độ hài lòng, máy in, máy scan, máy photocopy... và thống nhất sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 về việc ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh*).

- HĐND tỉnh khóa XIII đã thông qua Nghị Quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, có hiệu lực kể từ ngày 17/12/2022; đây là nghị quyết đặc thù của tỉnh, nhằm mục tiêu động viên, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời cho đội ngũ làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

d) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

- Thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn

⁷ Tại Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh.

vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 13/3/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 7108/UBND-TTHC ngày 29/12/2021, Công văn số 1549/UBND-TTHC ngày 06/4/2022; cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Kể từ ngày 01/6/2022 đã thực hiện số hóa hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh đối với các sở, ngành trong việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC trên phần mềm Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh (từ ngày 13/6/2022, tiếp tục thực hiện trên phần mềm Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh phiên bản mới).

+ Cấp huyện, cấp xã: Triển khai thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã từ ngày 01/12/2022 (đưa vào thực hiện sớm hơn so với Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh, lộ trình số hóa tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022 và cấp xã từ ngày 01/6/2023).

- Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công chức, viên chức liên quan nghiêm túc thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ngay trong quá trình tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC, đảm bảo việc số hóa kết quả giải quyết TTHC chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ ý nghĩa của việc thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

đ) Tình hình, kết quả giải quyết TTHC:

- Tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh đã giải quyết 127.650 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn: 127.400 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,8%, trễ hạn: 250 hồ sơ.

- Tại Bộ phận Một cửa của 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã giải quyết 110.125 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn: 107.530 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 97,64%, trễ hạn: 2.595 hồ sơ.

- Tại Bộ phận Một cửa cấp xã đã giải quyết 426.786 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn: 424.324 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,42%, trễ hạn: 2.462 hồ sơ.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ với tổng số 19.258 hồ sơ. Tiếp nhận gần 6.000 hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; thực hiện chuyển trả 15.850 hồ sơ đã giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của tổ chức, công dân.

- Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình:

+ Đề khuyến khích người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng các dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình nhằm góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử, đẩy mạnh cải cách TTHC trên

địa bàn tỉnh, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 3749/UBND-TTHC ngày 28/7/2022 yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc thực hiện Nghị quyết; tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chính sách giảm 50% phí, lệ phí khi thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến đối với 10 lĩnh vực được quy định tại Nghị quyết nêu trên đến cá nhân, tổ chức trên địa bàn bằng những hình thức, biện pháp phù hợp, hiệu quả.

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản⁸ chỉ đạo, yêu cầu các sở, ban ngành và địa phương tăng cường việc đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến, phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (*Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 29/7/2022*).

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng liên tục trên tất cả các lĩnh vực, trong năm đã tiếp nhận, giải quyết hơn 43.000 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ bình quân gần 50%, qua đó giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhanh chóng, tiết kiệm đáng kể chi phí, thời gian đi lại. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả sáng kiến tiếp nhận hồ sơ trực tuyến toàn trình thuộc lĩnh vực tàu cá bằng phương thức gọi điện thoại đến hệ thống tổng đài của Trung tâm để nộp hồ sơ và đăng ký nhận kết quả giải quyết tại nhà; trong năm 2022 đã có hơn 2.000 hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết, giúp tiết kiệm hơn 01 tỷ đồng chi phí thực hiện TTHC cho người dân;

+ Việc thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia rất hiệu quả, tuy mới triển khai đẩy mạnh thực hiện từ giữa tháng 6/2022 nhưng tổng số tiền đã thanh toán đã đạt gần 63 tỷ đồng, giúp tỉnh Quảng Ngãi tăng thứ hạng về thanh toán trực tuyến so với các tỉnh thành trong cả nước.

e) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC:

Tiếp nhận 200 phản ánh của công dân. Trong đó: Tiếp nhận qua đơn thư 10 phản ánh; qua Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ thuộc Cổng Dịch vụ công quốc gia 70 phản ánh và còn lại tiếp nhận qua số điện thoại đường dây nóng phản ánh về TTHC và tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh. Các phản ánh của công dân đều được chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền, đầu mối kiểm soát TTHC của đơn vị để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

⁸ Công văn số 3158/UBND-TTHC ngày 28/6/2022 về việc đôn đốc, thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến; Công văn số 3162/UBND-TTHC ngày 28/6/2022 về việc thực hiện tích hợp, cung cấp thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp; Công văn số 3841/UBND-TTHC ngày 03/8/2022 về việc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cải cách việc thực hiện TTHC; Công văn số 4471/UBND-TTHC ngày 07/9/2022 về việc đôn đốc xử lý dịch vụ công trực tuyến giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 về việc phê duyệt Quy trình thực hiện TTHC đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 5064/UBND-TTHC ngày 07/10/2022 về việc khẩn trương thực hiện một số chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

g) Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC: Chất lượng, thái độ phục vụ của công chức, viên chức được nâng cao; lựa chọn những người làm việc tốt, có trách nhiệm và kinh nghiệm hướng dẫn, tư vấn để thực hiện các giao dịch với doanh nghiệp; kịp thời thay thế những người không đủ năng lực, trình độ, phẩm chất; dẫn đến, tỷ lệ doanh nghiệp nộp hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên tăng cao, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi nộp và trả hồ sơ không giải quyết giảm xuống. Tỷ lệ đánh giá hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC đạt đến 99,9% với hơn 35.000 lượt đánh giá.

h) Thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu (gồm: *Triển khai 11 dịch vụ công của Bộ Công an và triển khai 14 dịch vụ công của các sở, ngành*) đã đạt được những kết quả nhất định qua đó đã phát sinh hồ sơ 20/25 thủ tục⁹.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Công tác tổ chức bộ máy:

- Tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo sơ kết 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu

⁹ Số liệu cụ thể:

- 11 dịch vụ công của Bộ Công an: (1) Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân: 18 trường hợp, đạt tỉ lệ 25,5% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (2) Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân: 51 trường hợp, đạt tỉ lệ 0,09% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (3) Đăng ký thường trú: 2876 trường hợp, đạt tỉ lệ 30,42% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (4) Đăng ký tạm trú: 411 trường hợp, đạt tỉ lệ 18,88% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (5) Khai báo tạm vắng: 08 trường hợp, đạt tỉ lệ 21,05% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (6) Thông báo lưu trú: 22.730 trường hợp, đạt tỉ lệ 99,9% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (7) Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy: 210 trường hợp, đạt tỉ lệ 1,71% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (8) Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội): 51 trường hợp, đạt tỉ lệ 1,22% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (9) Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu: 15 trường hợp, đạt tỉ lệ 75% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (10) Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu: 0 trường hợp (trong quý III/2022 không phát sinh hồ sơ trực tiếp, cũng như trực tuyến); (11) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông: 42 trường hợp, đạt tỉ lệ 1,41% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận.

- 14 dịch vụ công của các sở, ngành: (1) Đăng ký khai sinh: 91 trường hợp, đạt tỉ lệ 1,45% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (2) Đăng ký khai tử: 57 trường hợp, đạt tỉ lệ 1,57% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (3) Đăng ký kết hôn: 23 trường hợp, đạt tỉ lệ 0,81% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (4) Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi: 3.658 trường hợp, đạt tỉ lệ 95,58% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (5) Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí: 0 trường hợp, đạt tỉ lệ 0% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (6) Cấp phiếu lý lịch tư pháp: 168 trường hợp, đạt tỉ lệ 6,67% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (7) Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình: 0 trường hợp, đạt tỉ lệ 0% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (8) Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình: 219 trường hợp, đạt tỉ lệ 70,64% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (9) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ: 0 trường hợp, đạt tỉ lệ 0% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (10) Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe: 09 trường hợp, đạt tỉ lệ 0,4% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (11) Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng: 0 trường hợp (thủ tục này đã qua thời gian thực hiện trong năm 2022); (12) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp: 20 trường hợp, đạt tỉ lệ 0,88% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (13) Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V), 1.417 trường hợp, đạt tỉ lệ 43,84% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận; (14) Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện: 04 trường hợp, đạt tỉ lệ 1,56% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Về cơ quan, tổ chức hành chính: UBND tỉnh quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 11 sở, ban, ngành và 02 Ban, 01 Trung tâm trực thuộc Sở¹⁰.

- Về đơn vị sự nghiệp: Sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; Quy chế quản lý, vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi; ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Cảng và Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh; miễn nhiệm và thay thế chức danh thành viên Hội đồng trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi; Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi; Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Công báo và Tin học.

- Về Đề án vị trí việc làm: Triển khai thực hiện xây dựng lại Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Hướng dẫn xây dựng Đề án; tổ chức tập huấn hướng dẫn xác định danh mục vị trí việc làm, ngạch, cơ cấu ngạch công chức khi xây dựng Đề án; trên cơ sở Đề án của các cơ quan, tổ chức, địa phương xây dựng, Sở Nội vụ tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Biên chế, tinh giản biên chế:

- Thực hiện điều chuyển biên chế công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa một số sở, ngành, địa phương năm 2022¹¹ để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế.

- Tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kế hoạch quản lý, sử dụng biên chế khối nhà nước giai đoạn 2022 - 2026; trình HĐND tỉnh thông qua các Nghị quyết¹² về: Giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc trong các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh năm 2023.

- Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để giải quyết tinh giản biên chế cho 239 người¹³ năm 2022.

10 Các sở, ban, ngành: Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngoại vụ, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; Ban Thi đua - Khen thưởng; Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ; Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

¹¹ Quyết định 1915/QĐ-UBND ngày 02/12/2021, Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 24/12/2021.

¹² Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 và Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh.

¹³ Khối Hành chính: 07 người; Khối Sự nghiệp: 193 người; cán bộ, công chức cấp xã: 39 người.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về công tác cán bộ, công chức:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Sau khi có thông báo kết luận của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, nâng ngạch cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định, tiến độ và thời gian đề ra¹⁴: Kết quả đã tuyển dụng được 34 công chức; tuyển dụng 02 công chức và 01 viên chức theo chính sách thu hút tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; tuyển dụng 01 viên chức cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; thống nhất 1.053 chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên năm 2022 cho các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố; cử 07 công chức tham gia kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp do Bộ Nội vụ tổ chức; tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức từ cán sự lên chuyên viên và từ chuyên viên lên chuyên viên chính cho 173 công chức, viên chức (kể cả khối Đảng).

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ¹⁵; chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp tục triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022: Đã tổ chức được 65 lớp bồi dưỡng cho 5.536 cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức triển khai Kế hoạch bồi dưỡng đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 với số lượng 42 lớp, gồm: 01 lớp báo cáo viên cấp huyện bồi dưỡng cho đại biểu HĐND cấp xã cho 68 báo cáo viên, 04 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động cho đại biểu HĐND cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 cho 326 đại biểu HĐND cấp huyện, 37 lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 cho 3.647 đại biểu HĐND cấp xã; cử 59 viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học (03 Tiến sĩ (01 Tiến sĩ nước ngoài), 06 Thạc sĩ, 06 Chuyên khoa II, 44 Chuyên khoa I)); cử 04 công chức tham gia bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở; 05 công chức tham gia bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện; 07 công chức tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp; thực hiện báo cáo Bộ Nội vụ kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

¹⁴ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức hành chính tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; Quyết định số 75/QĐ-SNV ngày 02/3/2022 về việc ban hành Kế hoạch xét tuyển viên chức cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

¹⁵ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

công chức, viên chức năm 2021 và thực trạng việc sử dụng công cụ đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- UBND tỉnh báo cáo Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Cải cách tài chính công

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 của tỉnh là 6.171.362 triệu đồng¹⁶ (cao hơn so với Trung ương giao là 1.617.850 triệu đồng); Tổng số giải ngân đến 30/11/2022 là 3.981.100 triệu đồng, đạt 87,4% kế hoạch Trung ương giao, đạt 64,5% so kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao. Ước giải ngân đến 31/12/2022 khoảng 5.372.300 triệu đồng, bằng 118% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 87,1% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

b) UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022; ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 05/01/2022 về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo theo Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022.

c) Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 17/6/2022 và nhiều văn bản¹⁷ chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương thực hiện. Theo đó, các đơn vị có trách nhiệm chủ động triển khai các nội dung nhiệm vụ đã được giao theo đúng yêu cầu, đảm bảo thời gian quy định với tinh thần đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi thường xuyên và chi đầu tư, tiến tới chuyển sang công ty cổ phần. Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức lớp bồi dưỡng, hướng dẫn triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ (*tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn cho các sở, ngành, đơn vị SNCL và UBND các huyện, thị xã, thành phố từ ngày 31/5/2022 đến ngày 01/6/2022*).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) UBND tỉnh đã phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 2.0 (*Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 24/12/2021*); thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, ban hành Quy chế hoạt động của Ban, thành lập

¹⁶ Kế hoạch vốn năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao là 4.553.512 triệu đồng (bao gồm vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia).

¹⁷ Công văn số 3976/UBND-KT ngày 12/8/2021; Công văn số 6389/UBND-KTTH ngày 26/11/2021; thành lập Tổ Công tác triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (*Sở Tài chính là cơ quan thường trực*).

Tổ giúp việc¹⁸ và xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2022.

b) Xây dựng và đưa vào vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh tỉnh từ tháng 4/2022; tổ chức ký kết hợp tác giữa UBND tỉnh và Tập đoàn VNPT về xây dựng Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; ban hành Quy chế quản lý, vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (*Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 09/02/2022*).

c) Hoàn thành việc nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh lên phiên bản mới, hoàn thiện việc tích hợp với các hệ thống thông tin của bộ, ngành Trung ương qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (LGSP)¹⁹, đáp ứng triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và số hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ²⁰. Hiện nay, công dân có thể sử dụng tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tài khoản định danh điện tử VNIED do Bộ Công an cấp để đăng nhập và thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Đồng thời, Hệ thống đã được Công an tỉnh kiểm tra, đánh giá đáp ứng đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 thực hiện theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1552/BTTTT-TTH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (*đã đề nghị Bộ Công an cho kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*).

d) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung iOffice đã triển khai đồng bộ 100% đến cơ quan nhà nước ở 03 cấp: Tỉnh, huyện và cấp xã theo mô hình quản lý tập trung, liên thông 04 cấp và sử dụng chữ ký số để trao đổi văn bản điện tử; liên thông văn bản điện tử giữa khối Đảng và chính quyền, bảo đảm thông tin chỉ đạo điều hành được thông suốt, kịp thời.

đ) Ban hành Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 15/9/2022 về Tổ chức ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) năm 2022 trên địa bàn tỉnh, tổ chức Hội thảo “Chuyển đổi số - Vì cuộc sống tốt đẹp hơn”, với sự tham gia của hơn 3.000 đại biểu dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến đến điểm cầu cấp xã và Livestream trên Fanpage của Sở Thông tin và Truyền thông.

e) UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số:

- Triển khai thực hiện một số dự án về phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, như: Dự án Chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, Dự án Đầu tư chuyển đổi số, Dự án Xây dựng hệ thống Đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Quản trị, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và không để xảy ra sự cố đối với hơn 10 hệ thống thông tin dùng chung của

¹⁸ Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 08/11/2021, Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 23/02/2022 và Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 23/02/2022.

¹⁹ Cổng Dịch vụ công Quốc gia của Văn phòng Chính phủ, Hệ thống Lý lịch Tư pháp và Quản lý Hộ tịch của Bộ Tư pháp, Hệ thống cấp mã số ngân sách của Bộ Tài chính, Hệ thống đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hệ thống VNPOST của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Hệ thống quản lý đất đai VBDLIS của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

²⁰ Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình số hóa: cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022, cấp huyện từ ngày 01/12/2022, cấp xã từ ngày 01/6/2023 (đã hướng dẫn triển khai số hóa tại cấp xã từ 01/12/2022).

tỉnh đang vận hành tại Trung tâm²¹.

- Tổ chức Lễ Phát động phong trào hè 2022 trong ngành giáo dục về Chuyển đổi số và tập huấn nội dung nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và hướng dẫn kỹ năng khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến đến 400 điểm cầu trong toàn tỉnh với hơn 14 nghìn người tham gia.

- Tổ chức 04 lớp tập huấn về chuyển đổi số và sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ Đoàn thanh niên đến cấp xã với sự tham gia tập huấn của hơn 200 cán bộ Đoàn trên toàn tỉnh; 01 lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số đối với lãnh đạo CIO các cơ quan trong tỉnh²²; 01 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho công chức, viên chức phụ trách CNTT các cơ quan trong tỉnh²³.

- Tổ chức các hội nghị/hội thảo về chuyển đổi số, như: Hội nghị về chuyển đổi số tại 02 UBND huyện: Nghĩa Hành, Mộ Đức; Hội thảo “*Chuyển đổi số doanh nghiệp - Phục hồi và phát triển*” với sự tham gia của hơn 430 đại biểu; phối hợp với Cục Chuyển đổi số Quốc gia triển khai tập huấn về chuyển đổi số cấp xã cho 176 người là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh thông qua nền tảng số Onetouch; phối hợp với Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin và Truyền thông tổ chức Hội thảo “*Kết nối cung cầu về sản phẩm, dịch vụ Công nghệ thông tin khu vực Miền Trung*” với sự tham gia của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh khu vực miền Trung.

- Thành lập các Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp trên địa bàn tỉnh, đến nay đã thành lập được 1.141 Tổ Công nghệ số cộng đồng ở cấp huyện, xã, thôn với sự tham gia của hơn 7.534 thành viên²⁴ và Tổ Công nghệ số cộng đồng Tỉnh đoàn với 22 thành viên. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn kỹ năng sử dụng các nền tảng số như: Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, các sàn thương mại điện tử cho hơn 4.500 thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng các cấp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác CCHC được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi xác định là nội dung quan trọng, thường xuyên của các cơ quan từ tỉnh đến cơ sở. Để đạt được mục tiêu đặt ra, ngay từ đầu năm UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh và thường xuyên, liên tục chỉ đạo triển khai đầy đủ các văn bản, nhiệm vụ CCHC; ban hành đầy đủ các văn bản để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 - 2030 của Chính

²¹ Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức; Phần mềm một cửa điện tử; các máy chủ bảo mật; Phần mềm chấm điểm cải cách hành chính; Phần mềm Quản lý công tác thanh niên; Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng; Cơ sở dữ liệu về kinh tế Công nghiệp và Thương mại; Cơ sở dữ liệu Bưu chính, Viễn thông; Phần mềm hỗ trợ xử lý chồng chéo thanh tra, kiểm tra; Nền tảng Công dữ liệu mở tỉnh, Phần mềm đánh giá chỉ số DTI (đang cải đặt và vận hành thử nghiệm).

²² Lãnh đạo các sở, ban ngành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch phụ trách CNTT, Chánh Văn phòng UBND các huyện, thị xã, thành phố.

²³ Công chức, viên chức chuyên trách/phụ trách về CNTT, ATTT các sở, ban, ngành, hội đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố, lãnh đạo Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố.

²⁴ 13/13 Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp huyện với 169 thành viên; 173/173 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với 1.690 thành viên; 954/954 Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp thôn trên toàn tỉnh, với hơn 5.653 thành viên tham gia.

phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 và đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện hiệu quả với nhiều hình thức và nội dung đa dạng, phong phú, đặc biệt là việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu CCHC, qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức về công tác CCHC trong cán bộ, công chức, viên chức, trong cộng đồng và xã hội, tạo không khí thi đua sôi nổi, thu hút sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

3. Chỉ đạo, triển khai nhiều sáng kiến, giải pháp mới để đẩy mạnh hiệu quả công tác CCHC như: *Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết giảm 50% mức thu phí, lệ phí khi tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với 10 nhóm TTHC (Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022); giao chỉ tiêu thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho các cơ quan trên địa bàn tỉnh (30% đối với các sở, ban ngành, 20% đối với các huyện đồng bằng, 10% đối với các huyện miền núi); giải pháp vận động cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; xây dựng phần mềm thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên thiết bị di động để mở rộng phương thức nộp hồ sơ trực tuyến cho tổ chức, cá nhân; biên dịch các TTHC liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài (116 thủ tục) sang 04 thứ tiếng: Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản để phục vụ cho nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài...*

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh và tổ chức thực hiện hoàn thành tất cả các nhiệm vụ đề ra.

2. Tổ chức đánh giá xác định Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ; thực hiện điều tra xã hội học, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban ngành, địa phương nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC.

3. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động kiểm soát TTHC. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021.

4. Duy trì và vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao về triển khai Cổng Dịch vụ

công quốc gia và chuẩn hóa, tích hợp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng chỉ đạo của Chính phủ; tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

5. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tổ chức thực hiện kịp thời, đạt kết quả các nhiệm vụ đã đề ra trong các kế hoạch liên quan đến phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi. Tiếp tục hoàn thiện phần mềm Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh (phiên bản mới) và kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo chỉ đạo, tiến độ của Văn phòng Chính phủ và Bộ, ngành liên quan.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và một số nhiệm vụ trọng tâm về CCHC năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, CBTH;
- Lưu VT, TTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn

Phụ lục

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NĂM 2022 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quản trị)	Văn bản	18	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	66	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	66	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số số, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	06	11/33=33,33% tổng số số, ngành, UBND cấp huyện được kiểm tra (20 số ngành, 13 huyện, thị xã, thành phố)
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	05	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	29	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	29	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Cơ quan, đơn vị	05	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	160	99 nhiệm vụ còn trong hạn
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	61	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	35.000	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL²⁴ do địa phương ban hành	Văn bản	218	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	82	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	90	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	36	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	Văn bản	245	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	245	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	Văn bản	11	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	11	
3.	Rà soát VBQPPL	Văn bản	402	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	402	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản	03	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	0	

²⁴ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	08	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	80	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	74	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.672	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.206	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	330	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	136	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	226	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	114	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,80	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	127.650	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	127.400	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,64	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	110.125	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	107.530	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,42	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	426.786	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	424.324	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	200	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	200	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ số, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	16/16
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	13/13
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	02	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	12	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCN) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	858	
1.5.1.	Số ĐVSNCN thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	05	
1.5.2.	Số ĐVSNCN thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	279	
1.5.3.	Số ĐVSNCN thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	574	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCN đã cắt giảm so với năm 2015	%	18,81	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.962	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.813	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	121	HD 68, 161
2.4.	Số biên chế đã tính gián trong kỳ báo cáo	Người	7	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tính gián so với năm 2015	%	10,12	Năm 2015 biên chế giao là 2.183; Năm 2022 biên chế giao là 1.962
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	22.822	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19.782	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	193	Số cắt giảm
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,65	Năm 2015 số người làm việc được giao là 26.129; Năm 2022 số người làm việc được giao là 22.822

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	35	100% đã được phê duyệt
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	858	100% đã được phê duyệt
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		96	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	39	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	40	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	07	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	05	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	05	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		40	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	4	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	35	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	87,4	Tính đến 30/1/2022, đạt 87,4% so KH TW giao; 64,5% so KH HĐND tỉnh giao
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	6.171.362	KH được giao cao hơn so với Trung ương giao là 1.617.850 triệu đồng; Báo cáo số 357/BC-SKHDT ngày 09/12/2022
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	3.981.100	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lấy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	696	Số liệu không bao gồm 03 ĐVSNCL khối Đảng, 173 Trạm Y tế xã và 02 phòng Khám đa khoa khu vực (đã thực hiện sáp nhập)
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	13	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	30	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	37	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	07	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	21	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	09	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	616	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lấy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ số, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	98,95	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	83,75	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	60,92	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	418	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	418	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	418	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	270	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	270	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	270	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	688	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	688	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chi thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	41,92	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	102.576	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	43.000	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	42,16	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	536	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	226	